

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Phạm vi cung cấp

1.1. Yêu cầu về kỹ thuật

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật được tổng hợp tại Bảng V.1.2A kèm theo E-HSMT
- Nhà thầu kèm theo dữ liệu điện tử (định dạng Microsoft Excel) bảng tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan theo Bảng V.1.2B kèm theo E-HSMT

Yêu cầu về kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật cao hơn. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “trương đương” hoặc “cao hơn” so với yêu cầu của E-HSMT và phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

1.2. Các yêu cầu khác

Tiến độ cung cấp được thực hiện theo nguyên tắc: Định kỳ theo kế hoạch hàng tháng, hàng hóa được cung cấp trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu; Trong trường hợp khẩn cấp, hàng hóa được cung cấp sớm nhất có thể, nhưng không quá 24 giờ, kể từ khi nhận được thông báo trường hợp khẩn cấp.

Mục 2. Bản vẽ

Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: để đảm bảo phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng, chủ đầu tư có thể yêu cầu thử nghiệm để đánh giá khả năng tương thích với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

Bảng V.1.2B. BẢNG TÓM TẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Mã phần	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại trang thiết bị y tế (A, B, C, D)	Quy cách đóng gói	Đơn giá niêm yết (VNĐ)

Bảng V.1.2A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
1	Bông y tế thấm nước	Bông gòn, dạng viên ϕ 20mm , gói 100g	Gói	336	22.950
2	Bông y tế thấm nước	Bông gòn, dạng miếng, gói 500g	Gói	155	85.000
3	Bông y tế thấm nước	Bông y tế 25 gram	Gói	354	6.200
4	Bông y tế thấm nước	Bông y tế cắt miếng 2cmx2cm; gói 25gr	Gói	404	7.050
5	Bông y tế thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút cao. Không độc tố, không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hoà tan trong nước và dịch phủ tạng. Gói/1 kg	Kg	47	141.750
6	Gạc phẫu thuật	Gạc y tế tiệt trùng. Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 10 cm x 10 cm x 8 lớp	Miếng	2.044	603
7	Gạc phẫu thuật	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 8cm x 12cm x 12 lớp. Vô trùng	Miếng	990	1.208
8	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 8 cmx15cm, đã tiệt trùng bằng khí EO gas	Miếng	1.170	1.247
9	Gạc phẫu thuật	Gạc đắp vết thương vô trùng. Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 10cm x 15cm x 6 lớp	Miếng	1.170	910
10	Bông gạc đắp vết thương	Gạc bao gòn vô trùng. Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 8cm x 20cm,	Miếng	3.470	1.396
11	Gạc hút y tế	Gạc hút y tế khổ 0,8m	Mét	155	5.603

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
12	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 6x 15cm. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas	Miếng	1.224	1.070
13	Dung dịch Lugol 3%	Chai 500ml	Chai	17	290.000
14	Dung dịch khử khuẩn Povidone Iodine 10%	Chai 20 ml	Chai	227	910
15	Dung dịch khử khuẩn Povidone Iodine 10%	Chai 90 ml	Chai	133	22.227
16	Dung dịch khử khuẩn Povidone Iodine 10%	Chai 500 ml	Chai	81	54.000
17	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ Didecyldimethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate.	Nồng độ sử dụng 0,5%. Chai 500 ml	Chai	34	385.875
18	Viên khử khuẩn hoặc tương đương	Dạng viên tan nhanh trong nước. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải.	viên	195	4.528
19	Acid acetic 3%	Chai 500ml	Chai	8	113.500
20	Cồn 70 độ	Thành phần: Hàm lượng ethanol 70%, dung dịch lỏng, không màu	Lít	429	31.250
21	Cồn 90 độ	Hàm lượng ethanol 90%	Lít	139	31.750
22	Cồn tuyệt đối	Cồn ethanol với hàm lượng 99%	Lít	60	39.750
23	Javel 10%	Natri Hypoclorite (10%)	Lít	63	14.700
24	Băng chun 3 móc	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 10cm x 4,5m	Cuộn	180	16.140
25	Băng chun 2 móc	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 7.5cm x 4,5m	Cuộn	125	12.480
26	Băng cá nhân	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Miếng	33.050	210
27	Băng cuộn Y tế	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton -Có khả năng hút nước. - Dạng cuộn. - Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 9cm x 2.5m.	Cuộn	530	1.275
28	Băng keo lụa	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 2.5cm x 5m. Băng vải lụa mềm có độ bền khi kéo, xé theo 2 chiều dễ dàng	Cuộn	850	8.930
29	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G, 25G	Cái	600	1.688
30	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm tiệt trùng 1ml, Kim 26G x 1/2".	Cái	15.250	688
31	Bơm tiêm 5cc	Dung tích 5ml kèm kim 23G, 25G	Cái	15.890	788

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
32	Bơm tiêm insulin 100ui/1ml.	Bơm tiêm insulin làm bằng nhựa vô trùng sử dụng một lần 1ml/100 I.U, cỡ kim 30Gx1/2”.	Cái	380.000	1.305
33	Kim lấy máu máy đo đường huyết	Kim lấy máu được dùng cho các loại bút lấy máu cho máy đo đường huyết thông dụng. Thân kim tròn, được tiệt trùng từng kim	Cái	4.500	198
34	Kim lấy thuốc	Kim các số, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	10.042	351
35	Kim luồn mạch máu	Kim luồn tĩnh mạch có cánh và cửa bơm thuốc, Kích cỡ: 18G; 20G; 22G	Cái	47	2.985
36	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần các số	Đóng gói bao phim từng cây. - Cán kim, thân kim bằng sợi thép không gỉ. - Mũi kim: tròn, cân, không dẹt.	Cây	92.140	493
37	Găng tay y tế các size	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải	Đôi	50.110	1.564
38	Lọ đựng nước tiểu	Chất liệu: nhựa PS. Dung tích ≥ 40 ml. Có nắp vặn màu đỏ. Có nhãn để ghi thông tin.	Cái	5.000	1.198
39	Ống thông tiểu 2 nhánh số 8	Ống thông tiểu 2 nhánh được làm từ cao su latex mềm, được phủ bằng silicon để giảm phản ứng dị ứng. Đầu ống mềm, tròn được bịt lại với hai lỗ bên để thoát nước hiệu quả. Đầu sonde tròn, mềm tránh tổn thương niêm mạc với 2 lỗ bên cạnh dẫn lưu một cách dễ dàng. - Chiều dài 40cmok	Cái	46	15.750
40	Ống hút điều kinh	Số 4 đã tiệt trùng	Ống	20	3.925
41	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 2/0	Kim tam giác 24mm, cong 3/8 vòng tròn. Chỉ dài 75cm, thành phần Polyamide, sức căng nút thắt không nhỏ hơn 1.44 KGs	Tép	64	5.500
42	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 3/0	Kim tam giác 25mm, 3/8 vòng tròn, thân kim có rãnh. Chỉ dài 75cm, thành phần Polyamide 6-6.6, sức căng nút thắt không nhỏ hơn 2.04 KGs	Tép	338	6.000
43	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 4/0	Kim tam giác 16mm, kim 3/8 vòng tròn, thân kim có rãnh. Chỉ dài 75 cm, thành phần Polyamide 6-6.6, sức căng nút thắt không nhỏ hơn 0.60 KGs	Tép	54	5.000
44	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 5/0, sợi chỉ dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 16 mm	Tép	118	12.075
45	Chỉ tan 3/0	Chỉ tiêu 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, kim phủ silicon.	Tép	261	12.180
46	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Sử dụng một lần các loại, các cỡ	Cái	1.540	3.089
47	Đè lưỡi gỗ	Được sản xuất từ gỗ tự nhiên. Tiệt trùng.	Cái	10.560	21.430

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
48	Kẹp phẫu tích có máu	Kích thước: 16cm -18cm	Cái	19	31.500
49	Kẹp phẫu tích không máu	Kích thước: 16cm -18cm	Cái	19	31.500
50	Kiểm kẹp kim cong	Kích thước: 14cm - 18cm	Cái	20	39.000
51	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt. Đóng gói riêng từng chiếc.	Cái/ chiếc	17	12.474
52	Dầu sả hoặc tương đương	Nguyên chất 100%	Lít	61	81.500
53	Huyết áp trẻ em	Cấu hình cơ bản của huyết áp: - 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí gồm: 01 bóng bơm khí, 02 ống dẫn khí, 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Độ chính xác (sai số) : ≤ +/- 3mmHg - Hệ thống bơm bằng cao su. Có tem kiểm định	Cái	8	588.600
54	Huyết áp người lớn	Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao; Yêu cầu kiểm định đồng hồ trước khi giao hàng.	Cái	26	411.750
55	Máy đo huyết áp điện tử	Tầm đo: Huyết áp 20 – 280 mmHg, nhịp tim: 40 – 199 nhịp/phút, bộ nhớ lưu 99 lần gần nhất ghi rõ ngày giờ/tháng năm, <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn điện: 4 pin AA và bộ đổi nguồn DC 6V, 600 mA. • Độ phân giải đo huyết áp: 1mmHg. Độ chính xác đo huyết áp: ±3mmH. • Độ chính xác đo nhịp mạch: ±5% giá trị đo. • Độ chống nước: IP20. • Tuổi thọ: tối thiểu 10.000 lần đo. Tuổi thọ vòng bút: tối thiểu 10.000 lần đo. • Tiêu chuẩn chất lượng: EN 1060-1 /-3 /-4; IEC 60601-1; IEC 60601-1-2 (EMC); IEC 60601-1-11. 	Cái	19	1.325.000
56	Ống nghe	Có ống dẫn bằng cao su đã nhiệt đới hóa, bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum, màng khuếch đại có độ nhạy cao, nghe êm, có nút tai bằng cao su không gây đau tai	Cái	21	143.100
57	Bo huyết áp	Bo bóp cao su của huyết áp cơ	Chiếc	11	16.800
58	Ambubag người lớn và trẻ em	1 bóp bóng bằng PVC 1630ml cho người lớn, 680ml cho trẻ em và 340ml cho sơ sinh. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 60 cmH2O cho người lớn. đối với trẻ em và sơ sinh là 40cmH2O. Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau (người lớn, Trẻ em, sơ sinh)	Cái	4	188.550
59	Ống Chymigly	Ống nghiệm nhựa PP trung tính, nhãn và nắp màu xám	Ống	1.200	800

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
60	Ống nghiệm Heparin	Chứa Heparin Lithium	Ống	10.000	869
61	Ống nghiệm nhựa PS/PP 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa PS trắng trong, có nắp PS. Nhựa y tế trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, tinh khiết 100%.	Ống	5.000	441
62	Ống nghiệm nhựa EDTA 2ml	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 1ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp, được đóng trên hộp để thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Ống	7.000	746
63	Bình đựng kim	Bằng nhựa. 6,8 lít	Cái	46	26.950
64	Đầu cone vàng	Nhựa PP. Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. Dung tích tối đa 200µl.	Cái	6.000	79
65	Đầu cone xanh	Nhựa PP, Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. Dung tích tối đa 1000µl.	Cái	6.000	108
66	Gel Siêu âm	Không bọt khí, không cặn, không chất ăn mòn. Không chất bảo quản, không kích ứng. Bình 5 lít	Bình	21	130.250
67	Giấy ECG 3 cần	Kích thước: 63mm x 30m (Tương thích với máy đo điện tim Nihon Koden, Fukuda Denshi)	Cuộn	63	22.423
68	Giấy ECG 12 cần	Kích thước: 215mmx30m (Tương thích với máy đo điện tim Bionet - Model: Cardio Care 2000)	Cuộn	51	52.650
69	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mm x 30m	Cuộn	8	11.075
70	Giấy in siêu âm đen trắng	Tương thích với máy in Sony, kích thước 110mm x 20m	Cuộn	13	113.400
71	Khay chia thuốc	Kích thước: 14cm x 9cm x 1cm hoặc 18cm x 9cm x 1cm Chất liệu inox, an toàn để sử dụng không gây hại đến sức khỏe người dùng. Các mối hàn gò nhỏ gọn và chuẩn xác, không bị thô cong và móp méo	Cái	6	46.777
72	Giấy y tế	Kích thước: 40x60cm	Kg	182	38.090
73	Hộp inox chữ nhật	10cm x 20cm	hộp	16	47.250
74	Hộp gòn nhỏ	φ 7.5cm x 6cm	Cái	4	48.000
75	Hộp gòn trung	φ 8.5cm x 6,5cm	Cái	7	42.188
76	Hộp gòn đại	φ 10cm x 8cm	Cái	4	58.350
77	Lam kính nhám	Độ dày : 1.0 - 1.2 mm; Kích thước : 2.4 mm x 76.2mm	Hộp	20	23.150

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
78	Nước cất	Là nước tinh khiết, nguyên chất dùng trong y tế, được điều chế qua quá trình chưng cất	Lít	2.000	9.750
79	Nhiệt kế	Nhiệt kế thủy ngân, dải đo từ 35-42 độ C	Cái	12	27.250
80	Nhiệt kế điện tử bấm trán	Tầm đo thân nhiệt từ 34 °C – 43 °C (± 0.2°C trong khoản 35°C – 42°C) Tầm đo môi trường 0<100°C (±1.0°C)	Cái	6	275.000
81	Săng mổ	Kích thước: 50cm x 50cm, có lỗ, làm từ vải không dệt, tiệt trùng.	Cái	55	3.125
82	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai Tcu 380A	Cái	115	17.950
83	Dây garo	Chất liệu vải, có thể co giãn, dính lại bằng miếng dính, có thể sử dụng nhiều lần.	Cái	32	8.750
84	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế dùng 1 lần	Cái	37.330	563
85	Kéo thẳng, 1 đầu tù	Kích thước: 16cm -18cm	Cái	23	28.750
86	Kéo thẳng, 2 đầu nhọn	Kích thước: 16cm - 18cm	Cái	21	37.000
87	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước 12mmx55m Sử dụng với nhiệt độ hấp từ 1210C đến 1340C	Cuộn	9	151.000
88	Composite đặc	màu A2 Dạng xilanh, 4gam	1 tube / gói	2	350.000
89	Composite đặc	màu B2 Dạng xilanh, 4gam	1 tube / gói	2	450.000
90	Composite đặc	màu A3.5 Dạng xilanh, 4gam	1 tube / gói	2	405.000
91	Composite đặc	Màu A3 Dạng xilanh, 4gam	1 tube / gói	2	405.000
92	Composite lỏng	Màu A2 Dạng xilanh, 2gam	1 tube / gói	2	611.500
93	Composite lỏng	Màu A3 Dạng xilanh, 2gam	1 tube / gói	2	611.500
94	Etching soi mòn men răng	Dạng xilanh	1 tube / gói	3	124.000
95	Keo dán Single Bond 2 bước 3M ESPE	Lọ 4ml	1 lọ / gói	1	1.175.000
96	Vaseline	Lọ 20 mg	19 mg/ lọ	5	7.350
97	Ống hút nước bọt	Túi 100 ống	99 ống/ gói	5	186.000
98	Cọ tăm bông TPC	Dùng trám răng, 100 cây/ ống	Ống	10	145.500
99	Kim nha	Kim tiêm nha số 27G	Cây	1.300	2.066

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
100	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao Găng có phủ bột - 1 đôi/túi	Đôi	3.150	4.568
101	Bình kiểm tiếp liệu	Kích thước; Φ 5x14cm	cái	1	55.500
102	Hộp cấp cứu sốc phản vệ (không có thuốc)	Kích thước: 265 x 194 x 68 mm Chất liệu: Bằng nhựa PP, trắng Màu: Trắng * Phần nắp: Gồm 2 mặt - Mặt 1: Gồm có logo, tên hộp thuốc và sơ đồ chẩn đoán. - Mặt 2: Có sơ đồ chẩn đoán nằm đối xứng với mặt. * Phần thân hộp: Chia làm 1 ngăn lớn bên trái và 5 ngăn nhỏ bên phải: - 5 ngăn nhỏ bên phải mỗi ngăn rộng 3cm x dài 17cm dùng để chứa lần lượt từ phải qua: Dây Garo 2 cái + Alcoolpad – kim tiêm 2 cái – Bơm tiêm 10ml: 2 cái – Bơm tiêm 5ml: 2 cái – Bơm tiêm 1ml: 2 cái - Ngăn lớn phía trái thân hộp rộng 9cm x dài 17 cm được chia làm nhiều ngăn nhỏ chứa: hàng đầu tiên Adrenalin 1mg/1ml: 5 ống – hàng thứ 2 chứa Diphenhydramin HCL 10mg: 5 ống – hàng thứ 3 chứa: nước cất 5ml: 6 ống và Methylprednisolone 40mg: 2 lọ * Phần đáy hộp: Có khe nhỏ dùng để chứa phác đồ điều trị và hộp được đựng trong hộp giấy màu trắng.	Cái	40	250.000
103	Dây truyền dịch	Khử trùng bằng khí E.O không độc, không gây sốt. Được trang bị màng lọc dịch. 20 giọt/ml	sợi	94	4.295
104	Dây thở oxy người lớn, trẻ em	Được làm từ nguyên liệu PVC cao cấp, chuyên cho y tế, mềm, không độc hại. Ống dây 2 nhánh. Dây dài 2 m, các đầu nhánh mềm thích hợp cho người lớn, trẻ em và sơ sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; CE.	sợi	59	6.065
105	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	Có đầu bảo vệ bằng kim loại, đầu kim 3 mặt vát. Catheter bằng nhựa y tế có > 3 đường cản quang. Kim luồn có cánh, có cửa chích thuốc. Kích cỡ 18G; 20G; 22G. Tiệt trùng từng cây, đóng gói riêng.	cây	69	3.360
106	Kim bướm	Kim bướm 23G, 25G, Đạt TC ISO	cây	76	1.485
107	Dầu mù u	Thành phần: Dầu mù u + mỡ trăn + Vitamin E + Dầu parafin. (Lọ/12ml)	Chai	80	12.498

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
108	Bộ dụng cụ thay băng vết thương	Hộp chữ nhật đựng dụng cụ y tế số 3 (17x7x3cm) : 1 cái; Chén đựng bông cotton số 2 : 1 cái; Kéo y tế thẳng nhọn 14cm: 1 cái; Nhíp y tế thẳng tù 14cm: 1 cái; Pen thẳng không máu 14cm : 1 cái; Hộp đựng bông 7.5cm : 1 cái	Bộ	11	228.021
109	Mâm Inox chữ nhật	Kích thước tối thiểu hoặc tương đương: 22x32cm	Cái	11	100.675
110	Khay hạt đậu	Khay hạt đậu sâu trung 21x11x3.5cm 400ml. Làm từ chất liệu inox không gỉ	Cái	7	66.200
111	Hộp hấp dụng cụ	Chất liệu: Inox. Kích thước: 34 x 18 x 12 cm	Cái	15	432.700
112	Hộp hấp bông gạc các loại	Hộp hấp tròn có lỗ đường kính ϕ 22 x 20 (cm) dùng để hấp bông, dụng cụ trong y tế	Cái	5	440.763
113	Giá dịch truyền	Cây treo dịch truyền có chiều cao (điều chỉnh được): 1.4 - 2 m. Trụ inox ϕ 25.4 x 1.0 mm. Chân inox hộp 30 x 60 mm. 04 bánh xe nhựa ϕ 50 mm có khóa.	Cái	7	268.250
114	Lọ đựng đàm	Chất liệu: nhựa PS. Dung tích \geq 30ml. Có nắp vặn. Tiệt trùng. 500 cái/thùng	Cái	2.520	1.176
115	Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa TC Matrix	Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa TC Matrix - 12V-20W - Qui cách: Hộp (1 cái)	Hộp	2	3.294.000
116	Cuvette Teco	Dùng cho Máy sinh hóa tự động TC – Matrix. 10 lỗ/cái	Cái	1.000	15.978
117	Bộ nhuộm BK Đàm	Yêu cầu: Phát hiện vi trùng Lao trong mẫu đàm. Thành phần gồm: Dung dịch Fuchsin - Acid alcohol - Dung dịch methylen blue. Bộ gồm 3 chai. Mỗi chai 100ml. Sử dụng ngay không cần pha loãng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	Bộ	40	338.350
118	Hematoxylin	Dùng trong nhuộm Hematoxyllin và Papanicolaou. Thành phần: Hematoxylin; Muối nhôm...Đóng gói: \geq 500 ml/chai	Chai	1	2.301.750
119	EA50	Gồm Eosin Y, 0.23%, Bismarck brown, 0.05%, fast green FCF, 0.08%, phosphotungstic acid, 0.2%, trong denatured alcohol (còn được methyl hóa – Còn biến tính). Chai 500ml	Chai	1	1.707.750
120	OG6	Orange G, 0.3% and phosphotungstic acid, 0.015%, trong denatured alcohol (còn được methyl hóa – Còn biến tính). Chai 500ml	Chai	1	1.707.750
121	Hoá chất diệt muỗi	Permethrin \geq 55% w/v (550g/l) ; Chai 1 lít	Chai	5	902.000
122	Que thử đường huyết	Sử dụng cho máy On call plus hoặc kèm theo máy khi trúng thầu.	Que	4.575	4.649
123	Que thử thai nhanh	Đạt tiêu chuẩn: ISO: 13485:2016	Que	90	2.436

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
124	Que thử nước tiểu 10 thông số	Sử dụng tương thích với Máy phân tích nước tiểu TecoDiagnostic, Model: TC-101, Seri: T10260109	Que	3.000	2.300
125	TEST KHÁNG NGUYÊN DENGUE NS1	Định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue trong mẫu máu toàn phần/ mẫu huyết thanh/ huyết tương	Test	60	39.410
126	Test CEA	Test xét nghiệm CAE bằng phương pháp sắc ký miễn dịch trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	200	34.500
127	Test PSA	Tets nhanh chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt (PSA) trong mẫu máu toàn phần, huyết tương hoặc mẫu huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch	Test	100	34.500
128	Test AFP	Test xét nghiệm AFP bằng phương pháp sắc ký miễn dịch trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	200	34.500
129	Que thử ma túy 5 chân	Bảng xét nghiệm sàng lọc nhiều loại thuốc là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng bên để phát hiện định tính nhiều loại thuốc và chất chuyển hóa thuốc trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau : MOP 300ng/ml ; AMP 500ng/ml; THC 50ng/ml; COD 300ng/ml ; HER 10ng/ml Độ nhạy : MOP \geq 99 ; AMP \geq 99 ; THC \geq 99; COD \geq 99 ; HER \geq 99 Độ chính xác : MOP \geq 99 ; AMP \geq 99 ; THC \geq 99; COD \geq 99 ; HER \geq 99 Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.000-1.037) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test . Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid , Tetracycline, Verapamil Thời gian đọc kết quả 3- 5 phút nhưng không đọc sau 10 phút Quy cách 25 test/hộp Nhiệt độ bảo quản 4-30 độ C Hạn sử dụng : 24 tháng	Test	300	51.975
130	Que xét nghiệm COD Codeine (nước tiểu) COD Codeine test (Urinse)	- Xét nghiệm Codeine (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy bên để phát hiện định tính Codeine trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau là 300 ng/mL.	Test	1.000	12.900
131	Toxocara IgG (Giun đũa chó)	Phát hiện các globulin miễn dịch G (IgG) với kháng nguyên Toxocara trong huyết thanh (huyết tương). Hộp 96 test	Hộp	4	3.847.500

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
132	Anti HBs	Định tính nhanh chóng kháng thể viêm gan B (HBsAb) có trong mẫu máu toàn phần/ mẫu huyết thanh/ huyết tương	Test	600	20.784
133	Anti HCV	Test xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của kháng thể viêm gan C trên mẫu huyết thanh/huyết tương	Test	400	17.819
134	Test nhanh HIV	Định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2 trong mẫu huyết thanh/huyết tương	Test	400	18.135
135	Test chuẩn đoán H.Pylory	Định tính nhanh chóng kháng thể H.Pylory có trong mẫu huyết thanh/huyết tương	Test	300	27.638
136	Test HBeAg	Test nhanh chuẩn đoán HBeAg	Test	100	19.135
137	Test HBsAg	Định tính nhanh chóng kháng nguyên viêm gan B (HbsAg) có trong mẫu huyết thanh/huyết tương	Test	600	6.610
138	Test thử giang mai	Test nhanh chẩn đoán giang mai Treponema pallidum (TP) trên mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương bằng phương pháp sắc ký miễn dịch.	Test	50	10.047
139	Alcohol acide HCL 3%	Chai 500ml	Chai	1	271.700
140	Cân năm có thước đo chiều cao	<ul style="list-style-type: none"> • Đĩa nhựa PP (loại nhựa không mùi, không độc hại), thiết kế đặc biệt hình nổi với vách ôm hai bên, không cạnh sắc nhọn, giữ an toàn khi bé nằm cân. • Màn hình điện tử Led LCD hiển thị rõ nét cân nặng của bé, đặc biệt cân có chức năng trừ bì giúp tính chính xác cân nặng của bé khi không mang đồ (Quần áo, tã , bỉm) • Trọng lượng tối đa: 20 kg; Độ chia nhỏ nhất: 5g; Chiều cao:35 - 70cm; Màn hình: LCD • Chất liệu bàn cân: Đĩa nhựa PP (loại nhựa không mùi, không độc hại); Pin: 4 viên pin AA • Trọng lượng: N.W: 9,15kg ; G.W: 12.7kg; Kích thước sản phẩm: 60.3x38.5x15cm • Kích thước đóng gói: 68.5x61x46.5cm (3pcs/ctn) 	Cái	1	1.430.000

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
141	Máy đo SpO2 cầm tay	<p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Loại máy: Máy đo oxy bão hòa và nhịp tim đeo ngón tay OXY 200</p> <p>Màn hình SpO2: LED</p> <p>Khoảng đo: 70-100%</p> <p>Độ chính xác: 70-100%: ±2%</p> <p>Độ chia nhỏ nhất: 1%</p> <p>Nhịp tim khoản đo: 30~250 nhịp/phút</p> <p>Độ chính xác: 30 – 99 nhịp/phút: ±2 nhịp/phút</p> <p>Độ chia nhỏ nhất: 1 nhịp/phút</p> <p>Điều kiện hoạt động: 5-40°C/41 -104°F; độ ẩm 15-80%</p> <p>Điều kiện bảo quản: -10-4-50°C/14-122°F; độ ẩm 10-93%</p> <p>Tự động tắt máy: sau 8 giây kể từ khi không có dấu hiệu của ngón tay</p> <p>Pin: 2×1.5V, loại pin AAA</p> <p>Thời lượng pin: khoảng 30 giờ (pin mới hoàn toàn)</p> <p>Trọng lượng: 50g (kể cả pin)</p> <p>Kích thước: 62x37x32mm</p> <p>Tuổi thọ thiết bị: 5 năm (15 lần đo/ngày; 20 phút mỗi lần đo).</p>	Cái	2	210.000
142	Thước Đo Chiều Cao Y Tế Dán Tường	<p>Mô tả:</p> <p>+ Thước đo chiều cao tam giác dán tường 2m; có vạch rõ chi tiết đơn vị cm và milimet</p> <p>+ Hình tam giác, cố định vào tường hoặc vách giúp tiết kiệm không gian, diện tích. Khi đo, chỉ cần bước vào vị trí treo thước, đứng thẳng và kéo thước chạm đầu.</p> <p>Chất liệu: NHỰA ABS + Kim Loại</p> <p>Màu sắc: Đen</p> <p>Phạm vi: 0-200 cm</p> <p>Khoảng chi nhỏ nhất: 1mm</p> <p>Số lượng đóng gói: 1 cái/hộp.</p>	Cái/Hộp	1	65.000
143	Nước oxy già.	3%/60ml	Chai/Lọ	20	4.000
144	Đèn gù	Công suất tối đa: 250w.Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn.Dây nguồn: 4m. Chiều cao của Đèn hồng ngoại gù 1m7 lên tới 1m7. Cố định vị xoay linh động đến gần 360 độKhoảng rộng. Đèn hồng ngoại gù 1m7 lên đến 30cm + 30cm.	cái	2	870.750

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
145	Xe đẩy dụng cụ	Kích thước: 560 x 410 x 800mm; 4 bánh xe: 2 bánh có khóa + 2 bánh không khóa	cái	2	715.000
146	Chất trám tạm Ceivitron	Quy cách: Lọ 30g Mô tả: Dùng cho trám tạm xoang răng sâu hoặc trám tạm ống tủy	Lọ	3	340.000
147	Nhám kẽ	Mô tả: Đỏ - X coarse Quy cách: Hộp 12 sợi	Hộp	2	95.000
148	Mũi đánh bóng Composite	Mô tả: + Làm từ kim loại không gỉ, bền, ít bị oxi hóa và sắc bén khi sử dụng. + Sử dụng để lắp đặt răng giả hoặc tạo lắp và phục hình răng thật. + Đầu đánh bóng: Với thiết kế đặc biệt kết hợp tốc độ quay nhanh khi kết hợp với các loại máy đánh bóng chuyên dụng sẽ giúp cho bề mặt composite được sáng bóng nhưng không bị ảnh hưởng quá nhiều đến cấu trúc của vật liệu. + Đa dạng nhiều hình dạng với nhiều mục đích khác nhau như sau Ngọn lửa nhỏ (Small Flame): Sử dụng để loại bỏ vật liệu dư thừa trên bề mặt khớp cắn và mặt bên. Ngọn lửa lớn (Large Flame): Thích hợp để loại bỏ vật liệu thừa, có kích thước lớn hơn, từ các khu vực rộng trên bề mặt răng. Hình ly (Cup): Sử dụng để đánh bóng miếng trám sau khi hoàn tất, giúp tạo độ bóng tự nhiên. Đĩa (Disk): Dùng đánh bóng lần cuối với độ mịn rất cao, mang lại bề mặt miếng trám bóng loáng như mong muốn.	Mũi	30	115.000
149	Băng rôn	Mô tả: mỗi hộp có 3 gạc (200 x 200) mm và 3 băng thun (70 x 100)mm.	hộp	1	7.980
150	Chỉ phẫu thuật tự tiêu	Mô tả: Chỉ phẫu thuật tự tiêu Catgut CPT số 2/0 Thông số kỹ thuật: 01 hộp gồm 24 tép Độ dài chỉ: 75 cm Hình kim: Taper Point Loại kim: Tròn Chiều dài kim: 26mm Vòng kim: 1/2	tép	2	15.120

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
151	Que curing lấy bệnh phẩm nữ Greetmed (Cervical Brush)	Mô tả: Chổi phết tế bào âm đạo Cervical Brush; Que curing lấy bệnh phẩm nữ Greetmed (Cervical Brush); thân que bằng nhựa; Một đầu curing; Tiết trùng từng cây; Kích thước: dài 16cm Hộp 100 cái	Cái	30	1.690
152	Dây hút nhót	Kích thước: size 14fr-500mm Làm sạch dịch tiết, Thông đường hô hấp. - Tạo thuận lợi cho sự lưu thông trao đổi khí. - Lấy dịch xuất tiết để xét nghiệm giúp chuẩn đoán bệnh. - Phòng ngừa nhiễm khuẩn và các biến chứng ở đường hô hấp do dịch tích tụ.	sợi	2	2.488
153	Kẹp rôn	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn	cái	2	1.325
154	Ống Karman	Mô tả: gồm 01 bơm hút; 03 ống hút (số 4,5,6); phụ kiện (01 hãm cổ bơm, gioăng cao su, 01 ống silicon 2 ml)	Bộ	2	40.150
155	Que spatula	Mô tả: Bề mặt nhẵn bóng. Dùng một lần; được làm từ gỗ chất lượng cao. Quy cách đóng gói: Mỗi sản phẩm (que)/1 bao bì, 100 que/hộp.	que	500	1.020
156	Gạc Vaseline	Mô tả: thành phần gồm Vaseline; chỉ định Dùng trong các trường hợp vết thương bị bỏng, da bị khô nứt. Làm mềm mịn da.	Miếng	20	1.725
157	Kéo thẳng, 2 đầu nhọn (dùng cắt chỉ)	Kích thước: 7cm - 10cm (dùng để cắt chỉ vết mổ, vết thương)	Cái	8	15.000
158	Nước Oxy già 3%	Dung dịch dùng ngoài chai 60ml	Chai	20	2.400
159	Natri Clorid 0.9% 500ml	dung dịch vô trùng Natri Clorid 0.9%, Chai 500ml	chai	139	7.875
160	Kéo cong 2 đầu nhọn	Kéo cong 2 đầu nhọn size 16 cm được sản xuất bằng công nghệ thép inox không gỉ . Sản phẩm có tính ứng dụng cao, dùng trong y tế, sản khoa và trong các hoạt động sinh hoạt gia đình.	Cái	4	26.750
161	Kelly cong/ thẳng	Chất liệu: 100% thép Đức Quy cách: Đầu thẳng hoặc cong Kéo nhọn, chiều dài 16cm Lưỡi kéo vật liệu TC tăng độ cứng	Cái	4	28.500
162	Kìm mang kim/ Pen mang kim/ Pen kẹp kim	kích thước : 14cm hoặc 16cm hoặc 18cm Được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn	Cái	4	37.000

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
163	Nhíp có mẫu	kích thước : 14cm hoặc 16cm hoặc 18cm Được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn Dùng để kẹp bông băng, rửa vết thương,...	Cái	4	26.500
164	Nhíp không mẫu	kích thước : 14cm hoặc 16cm hoặc 18cm Được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn Dùng để kẹp bông băng, rửa vết thương,...	Cái	4	27.150
165	Cán dao số 3	Chất liệu: Thép không gỉ. – CÁN SỐ 3: DÙNG CHO LƯỖI DAO SỐ 10, 11,12,15	Cái	4	12.500